TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN K -TỈNH NINH BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: **07**/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 16/5/2019
"V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, TỈNH NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Thế Anh.

*Các hội thẩm nhân dân:*Ông Vũ Đức Bính và ông Vũ Kim Mỹ

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Lê Thị Thu Hà, thư ký Tòa án nhân dân huyện K-tỉnh Ninh Bình.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa:*** Bà Đặng Thị Doan, kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 5 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình xét xử công khai vụ án thụ lý số 32/2019/TLST - HNGĐ ngày 26 tháng 02 năm 2019 về "Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 4 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Phạm Thị N, sinh năm 1993; ĐKHK tại: xóm 3, xã H, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Cư trú tại: xóm 13, xã H, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Ngô Văn D, sinh năm 1994; Cư trú tại: xóm 3, xã H, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn chị Phạm Thị N trong đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết tại tòa án trình bày: Chị và anh Ngô Văn D kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 13/5/2015 tại UBND xã H, huyện K, tỉnh Ninh Bình là quê của anh D. Sau khi kết hôn vợ chồng sống chung cùng nhà bố mẹ anh D được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm lối sống nên vợ chồng thường xuyên xảy ra đánh cãi chửi nhau, mâu thuẫn đã được hai bên gia đình bố mẹ khuyên giải nhưng không cải thiện và ngày càng nặng nề hơn. Chị đã phân tích để anh D thay đổi những sai phạm của mình nhưng anh D không thay đổi mà còn kiếm cớ đánh chửi chị, nên chị đã nhiều lần bỏ về nhà mẹ đẻ sống ly thân anh D để mong anh D thay đổi và tìm được tiếng nói chung nhưng không đạt kết quả. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng giữa chị và anh D không còn, không thể tiếp tục chung sống được nữa vì vậy chị xin được ly hôn anh D.

Về con chung: Chị N xác định anh chị có 01 con chung là Ngô Bảo C, sinh ngày 11-02-2017 hiện đang do chị trực tiếp nuôi dưỡng. Khi ly hôn chị yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi con chung và không yêu cầu anh D đóng tiền cấp dưỡng nuôi con cho chị.

Về tài sản: Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Ngô Văn D trong bản tự khai và trong quá trình giải quyết trình bày: Sau khi kết hôn từ tháng 5 năm 2015, vợ chồng sống chung với bố mẹ anh đến cuối năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm lối sống nên vợ chồng thường xuyên xảy ra đánh cãi chửi nhau. Từ mâu thuẫn vợ chồng đã dẫn đến mâu thuẫn giữa chị N với bố mẹ đẻ anh, chị N đã nhiều lần có những lời nói hỗn láo với bố mẹ đẻ anh; anh đã nhắc nhở và khuyên giải nhưng chị N không thay đổi mà ngày càng quá ra. Chị N đã tự ý bỏ về nhà bố mẹ đẻ để ở nhiều lần không quan tâm đến chồng và gia đình nhà chồng; từ mâu thuẫn vợ chồng đã dẫn đến mâu thuẫn giữa hai thông gia với nhau, càng làm cho mâu thuẫn vợ chồng nặng nề hơn; chị N còn tự làm thủ tục xét nghiệm ma túy đối với anh nhưng không thông báo kết quả cho anh biết. Nay chị N yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn; anh xét thấy vợ chồng đã mất lòng tin với nhau, dù vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn nhưng anh vẫn mong vì con cái bỏ qua cho nhau vợ chồng về đoàn tụ nhưng chị N cương quyết ly hôn thì anh nhất trí ly hôn theo yêu cầu của chị N.

Về con chung: Anh D xác nhận anh chị có 01 con chung như chị N trình bày là đúng. Khi ly hôn anh yêu cầu được quyền nuôi con chung và không yêu cầu chị N đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con cho anh.

Về tài sản: Anh D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K: Về tố tụng: Nguyên đơn và những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự , bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56, 81, 82, 83 Luật HNGĐ; Điều 147, 227 BLTTDS; Nghị quyết số 326/2016/NQUBTVQH14. Xử ly hôn giữa chị Phạm Thị N và anh Ngô Văn D; giao trực tiếp nuôi con chung cho chị N nuôi dưỡng anh D không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung với chị N; chị N phải nộp 300.000^{đ} án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả hỏi tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Chị Phạm Thị N khởi kiện yêu cầu giải quyết việc ly hôn và tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn với anh Ngô Văn D cư trú tại xóm 3, xã H, huyện K, tỉnh Ninh Bình; căn cứ quy định tại điều 27 và 39 BLTTDS vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND huyện K. Anh Ngô Văn D mặc dù đã có mặt tại địa phương, được Tòa án đã tống đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa theo đúng quy định của pháp luật nhưng vắng mặt không có lý do, căn cứ khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 BLTTDS Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh.

[2] Xét yêu cầu ly hôn của chị N thấy rằng : Anh D và chị N kết hôn tự nguyện hợp pháp; sau khi kết hôn vợ chồng sống chung chỉ một một thời gian ngắn thì đã phát sinh mâu thuẫn.

Nguyên nhân mâu thuẫn các bên đều xác định là do bất đồng quan điểm lối sống mâu thuẫn vợ chồng không tự giải quyết được ; do mâu thuẫn vợ chồng nên chị N đã nhiều lần sống ly thân với anh D. Từ mâu thuẫn vợ chồng dẫn tới mâu thuẫn mẹ chồng nàng dâu; còn gây mâu thuẫn tới cả hai bên thông gia. Mặc dù đã được hai bên và gia đình tìm cách khác phục nhưng không có kết quả. Trong các phiên hòa giải Tòa án đã phân tích động viên nhưng các bên không có tiếng nói chung , có ý bỏ mặc không quan tâm đến cuộc sống chung; cả hai bên đều xác định vợ chồng không thể chung sống cùng nhau được vì mâu thuẫn đã trầm trọng. Xác minh tình trạng hôn nhân của chị N và anh D tại UBND xã H thì chính quyền địa phương xác nhận do mâu thuẫn vợ chồng thì chị N đã nhiều lần bỏ về nhà mẹ đẻ và hiện nay đang sống ly thân anh D

Từ những căn cứ đó đã có đủ cơ sở xác định tình trạng hôn nhân của chị N và anh D hiện nay đã trầm trọng, không còn khả năng khắc phục, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể duy trì cuộc sống chung; căn cứ quy định tại Điều 51, 56 Luật Hôn nhân gia đình yêu cầu của chị N giải quyết ly hôn với anh D là có căn cứ được chấp nhận.

[3] Về con chung: Vợ chồng anh D và chị N chỉ có 01 con chung là Ngô Bảo C, sinh ngày 11-02-2017 khi ly hôn cả anh Dvà chị N đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung sau khi ly hôn và không yêu cầu bên kia phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung với mình. Vấn đề này HĐXX thấy: con chung của hai anh chị là Ngô Bảo C hiện nay chưa được 36 tháng tuổi hiện đang do chị N trực tiếp nuôi dưỡng; căn cứ Điều 81 luật HNGĐ việc giao cháu Ccho chị N nuôi dưỡng là phù hợp.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị N không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con cùng chị và chứng minh chị đang làm công nhân có thu nhập không cao nhưng ổn định có đủ điều kiện nuôi dưỡng chăm sóc cháu C mà không cần hỗ trợ của anh D; mặc dù đã được giải thích nhưng chị Nvẫn từ chối yêu cầu anh Dđóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị; yêu cầu của chị là hoàn toàn tự nguyện được chấp nhận không buộc anh D phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con cho chị N.

[5] Về tài sản chung: Khi ly hôn hai bên đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Căn cứ quy định tại điều 147 BLTTDSS và Nghị quyết 326/2016/NQUBTVQH14 buộc chị N phải nộp toàn bộ án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82 và 83 Luật HNGĐ; Điều 147, 227, 228 Bộ luật TTDS và Nghị quyết 326/2016/NQUBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1/ Xử ly hôn giữa chị Phạm Thị N với anh Ngô Văn D.

2/ Giao chị Nhài trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là Ngô Bảo C, sinh ngày 11-02-2017 đến khi thành niên. Anh D không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho chị N. Không bên nào được cản trở quyền thăm nom chăm sóc con chung.

3/ Chị Phạm Thị N phải nộp 300.000^{đ} án phí ly hôn được khấu trừ vào số tiền 300.000^{đ} tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA 2975 ngày 26/02/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người phải thi hành án dân sự có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

***Nơi nhận*:**
-TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND huyện K;
- Chi cục THADS huyện K;
- UBND xã HT, HN;
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thế Anh